

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13/6/2024

V/v Ly hôn với người mất tích

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T D- TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Ái

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cụt Xuân Ninh

Ông Vi Văn Dương

- Thư ký phiên tòa: Lê Thị Thảo- Thư ký Toà án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Lô Văn Tim - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 58/2024/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2024/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đ Ng Q, sinh năm 1979 (Có đơn xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 2, xã B Đ, huyện B L, tỉnh H N.

2. *Bị đơn:* Chị Ph Th H, sinh năm 1984 (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do, đã bị Tòa án tuyên bố mất tích).

Nơi cư trú cuối cùng: Bản S H, xã T Q, huyện T D, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án anh Đ Ng Q trình bày:

Về tình cảm: Anh Đ Ng Q và chị Ph Th H, có tình cảm, yêu thương nhau và đi đến kết hôn năm 2006. Anh Q và chị H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B Đ, huyện B L, tỉnh H N vào ngày 10/4/2006 trên cơ sở tự nguyện

không ai ép buộc. Từ khi kết hôn vợ chồng sống rất hạnh phúc, trong cuộc sống vợ chồng cũng có những lúc cãi vã, xúc phạm nhau nhưng chưa đến mức mâu thuẫn trầm trọng. Tuy nhiên, vào tháng 12/2018 chị H đưa hai con là cháu Đ Q N và cháu Đ Q V bỏ nhà đi không rõ tin tức. Mặc dù anh Q đã tìm mọi biện pháp để tìm kiếm chị H và các con nhưng không biết chị H đang làm gì, đang ở đâu. Đến ngày 11/10/2023, anh Q làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết tuyên bố chị H mất tích. Ngày 05 tháng 3 năm 2024 Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An đã có Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2024/QĐST-VDS về việc tuyên bố chị Ph Th H mất tích. Kể từ ngày Tòa án ban hành Quyết định tuyên bố một người mất tích đối với chị H cho đến nay thì chị H cũng không trở về địa phương, cũng không liên lạc với gia đình nên hiện nay anh và gia đình cũng không biết chị H ở đâu. Nay nhận thấy tình cảm với chị H không còn, hôn nhân không có hạnh phúc nên anh Q có nguyện vọng ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống và công việc.

Về con chung: Anh Q và chị H có 02 con chung là cháu Đ Q V, sinh ngày 03/4/2007 và cháu Đ Q N, sinh ngày 02/3/2010. Do chị H bỏ đi và đưa con đi cùng với chị H nên anh Q không biết cháu Việt, cháu Nam đang ở đâu, còn sống hay đã chết. Do đó, anh Q xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, khi nào có tin tức anh Q sẽ yêu cầu giải quyết bằng một vụ án khác.

Tài sản chung, nợ chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Ph Th H đã được Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An Tuyên bố mất tích theo Quyết định số 01/2024/QĐST-VDS ngày 05/3/2024. Qua kết quả xác minh tại địa phương vào ngày 25/3/2024 thì thấy: Chị Ph Th H trước đây có hộ khẩu thường trú tại bản S H, xã T Q, huyện T D, tỉnh Nghệ An từ ngày 12/8/2010. Từ tháng 12/2018 đến nay chị H đi khỏi địa phương, đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không nắm được nên đã bị xóa đăng ký thường trú đối với chị H; Chị Ph Th H và anh Đ Ng Q là vợ chồng, trước đây anh Q đăng ký thường trú tại bản S H, xã T Q, huyện T D, tỉnh Nghệ An nhưng hiện nay anh Q đã chuyển nơi đăng ký thường trú về thôn 2, xã B Đ, huyện B L, tỉnh H N; Chị Ph Th H và anh Đ Ng Q có 02 người con chung là cháu Đ Q N, sinh ngày 02/3/2010 và cháu Đ Q V, sinh ngày 03/4/2007. Vào tháng 12/2018 chị H đưa cháu Đ Q N, sinh ngày 02/3/2010 và cháu Đ Q V, sinh ngày 03/4/2007 đi khỏi địa phương, hiện nay các cháu có địa chỉ ở đâu, còn sống hay đã chết chính quyền địa phương không nắm được nên đã bị xóa đăng ký thường trú đối với cháu Nam và cháu Việt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ, các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên hoà giải hợp lệ cho chị Ph Th H theo quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự nhưng chị H đều vắng mặt, Tòa án không có căn cứ khác thể hiện địa chỉ của chị H. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của chị H, cũng như không tiến hành được phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải giữa anh Q và chị H. Nguyên đơn anh Đ Ng Q vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị Ph Th H nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn: Đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn anh Đ Ng Q cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân cho anh Đ Ng Q được ly hôn với chị Ph Th H; Con chung, tài sản chung, nợ chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Án phí: Anh Q phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng và các lời khai của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Chị Ph Th H là người bị Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An tuyên bố mất tích có nơi cư trú cuối cùng tại bản S H, xã T Q, huyện T D, tỉnh Nghệ An. Căn cứ vào Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn anh Đ Ng Q và bị đơn chị Ph Th H thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An. Bị đơn được Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Anh Q và chị H kết hôn với nhau vào năm 2006 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được Ủy ban nhân dân xã B Đ, huyện B L, tỉnh H N cấp giấy chứng nhận kết hôn tại số 43 ngày 10/4/2006 vì vậy đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[3] Nội dung:

[3.1] Tình cảm: Anh Q và chị H trong quá trình chung sống cùng có những lúc cãi vã, xúc phạm nhau, nhưng chưa đến mức mâu thuẫn trầm trọng. Đến tháng 12/2018 chị H bỏ đi khỏi địa phương, sau nhiều lần tìm kiếm những vẫn không có tin tức gì của chị H nên anh Q đã yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với chị H và chị H đã được Tòa án nhân dân huyện T D, tỉnh Nghệ An tuyên bố mất tích theo Quyết định số 01/2024/QĐST-VDS ngày 05/3/2024. Theo kết quả xác minh của chính quyền địa phương thì chị H đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 12/2018 cho đến nay không trở về địa phương. Từ đó cho thấy chị H đã không còn quan tâm và không muốn tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh Q. Xét thấy chị H là người bị Tòa án tuyên bố mất tích nên yêu cầu ly hôn của anh Q thuộc trường hợp ly hôn với người mất tích. Do đó, cần áp dụng khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 68 của Bộ luật dân sự chấp nhận cho anh Q được ly hôn với chị H là phù hợp..

[3.2] Con chung: Anh Q và chị H có 02 người con chung là cháu Đ Q N, sinh ngày 02/3/2010 và cháu Đ Q V, sinh ngày 03/4/2007. Từ tháng 12/2018 chị H bỏ đi đưa cả cháu Nam, cháu Việt đi theo, anh Q không biết chị H, cháu Nam và cháu Việt đang ở đâu, không biết còn sống hay đã chết, anh Q xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhận thấy quá trình thu thập chứng cứ Tòa án chưa ghi nhận được ý kiến của chị H, cháu Việt, cháu Nam, đồng thời về phía anh Q cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề con chung. Do vậy, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[3.3] Tài sản chung, nợ chung: Anh Đ Ng Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí và quyền kháng cáo: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Đ Ng Q được ly hôn với chị Ph Th H.

2. Con chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, khi nào đương sự có yêu cầu sẽ được xem xét giải quyết thành vụ kiện khác.

3. Tài sản chung, nợ chung: Anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Buộc anh Đ Ng Q phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007349 ngày 22/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T D, tỉnh Nghệ An.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An
- VKSND H.T D;
- Cơ quan THADS H.T D;
- Các đương sự;
- UBND xã B Đ, B L, H N;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lương Thị Ái